TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Đ** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 21-9-2018
V/v: *"Xin ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Báu.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Ước;

2. Ông Păng Ting Nốck.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Tài – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Lâm – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 354/2018/TLST-HNGĐ ngày 29/5/2018 về việc tranh chấp "Xin ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/8/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Phượng H**, sinh năm 1973.

Cư trú tại: 114 Phan Đình Phùng, Phường 2, thành phố Đ.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Đình V**, sinh năm 1975.

Cư trú tại: 114 Phan Đình Phùng, Phường 2, thành phố Đ.

(Bà H có mặt, ông V vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông V có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố Đ vào ngày 22/6/1995. Hôn nhân tự nguyện có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại địa chỉ: Đường P,

Phường B, thành phố Đ. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên xảy ra cải vã. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2010. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết, bà H đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Đình V**.**

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Hữu Đạt T, sinh ngày 07/8/1995 và cháu Nguyễn Hằng Nhật K, sinh ngày: 27/3/2001. Hiện các con chung đang sống cùng bà H. Do cháu Thành đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K cho đến khi cháu K đủ tuổi trưởng thành. Bà H không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có

Tòa án nhân dân thành phố Đ không tống đạt được nên đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng bị đơn là ông Nguyễn Đình V không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình; cũng không đến Tòa án nhân dân thành phố Đ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật; riêng bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phượng H có mặt; Bị đơn là ông Nguyễn Đình V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa và không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]*Về quan hệ tranh chấp:* Trên cơ sở Giấy chứng nhận kết hôn số 37, Quyển số 08 năm 1995 Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố Đ thì ông Nguyễn Đình V và bà Nguyễn Thị Phượng H có đăng ký kết hôn vào ngày 22 tháng 6 năm 1995. Hôn nhân tự nguyện có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Hiện nay ông V cư trú tại: Đường P, Phường B, thành phố Đ nên bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly

hôn với ông V, đây là quan hệ tranh chấp "Xin ly hôn" theo qui định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà H cho rằng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên xảy ra cải vã. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2010. Xét thấy trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án đến khi xét xử thì ông V cũng không có văn bản nêu ý kiến của mình đối với các nguyên nhân mâu thuẫn mà bà H đưa là thể hiện việc không thiện chí hàn gắn. Mặt khác việc bà H và ông V ly thân một thời gian dài làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn ông V là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Hữu Đạt T, sinh ngày 07/8/1995 và cháu Nguyễn Hằng Nhật K, sinh ngày: 27/3/2001.

Do cháu Thành đã đủ tuổi trưởng thành nên không đề cập giải quyết. Cháu Khanh hiện đang sống cùng bà H và bà H có nguyện vọng được ở cùng mẹ nên giao cháu Khanh cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật. Do bà H không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác nhận không có tài sản chung và không có nợ chung, còn ông V không có ý kiến nên không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Bà H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; các Điều 35, 39, 147, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phượng H về việc "Xin ly hôn" ông Nguyễn Đình V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Phượng H và ông Nguyễn Đình V được ly hôn.

2. Về con chung: Buộc giao cháu Nguyễn Hằng Nhật K, sinh ngày: 27/3/2001 cho bà Nguyễn Thị Phượng H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân gia đình.

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Phượng H phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0008115 ngày 29/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng (bà H đã nộp đủ).

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án (hoặc bản án được niêm yết) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Tp Đ;
- Chi cục THADS Tp Đ;
- Các đương sự;
- UBND Phường B, Tp Đ ;
- Bộ phận Dân sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Báu